

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số:13/2022/HS-ST
Ngày:10/5/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH BẮC GIANG

Th phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên.

2. Ông Trần Hải Đăng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Tin - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà - Ông Vi Văn Cảnh
- Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 10-3-2022,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2022/QĐXXST-HS, ngày10/4 /2022
đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn B; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 2001;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TL, xã TM, huyện TL, Th phố H;

Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp:
Lao động tự do; Chức vụ: Không có;

Bố đẻ: Vũ Hoàng Y, sinh năm 1977; Mẹ đẻ: Bùi Thị H1, sinh năm 1981;

Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 22/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H xử 9
(chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” , hành vi phạm tội xảy ra vào ngày
27/8/2021.

* Người bị hại: Anh Phạm Đức L2, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TA, thị trấn BH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn Th, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đông Ninh 1, xã TM, huyện TL, Th phố H.

2. Anh Đặng Quang Th1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện TL, Th phố H.

3. Anh Trần Văn V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TL, xã TM, huyện TL, Th phố H.

4. Anh Trần Đức N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tiên Lãng, xã TM, huyện TL, Th phố H

5. Anh Vũ Anh Đ. sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu thanh niên xung phong, huyện B, Th phố H

6. Anh Vũ Xuân M, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã TM1, huyện TL, Th phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa thì vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 03/8/2021, anh Phạm Đức L2, sinh năm 1996 ở tổ dân phố TA, thị trấn BH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Vũ Văn B, sinh năm 2001 ở thôn TL, xã TM, huyện TL, Th phố H cùng nhau đi uống rượu sau đó đi xe mô tô biển kiểm soát 98C1 - 089.77 của anh L2 vào nhà nghỉ Hà Anh 2 ở tổ dân phố Gia Lâm, thị trấn BH, huyện Y thuê phòng 405 ngủ.

Khoảng 07 giờ ngày 04/8/2021, do muốn đi rút tiền để về nhà nên B nói với anh L2 "*Cho em mượn xe để em đi lấy tiền xong em về, em để ví ở đây, em mượn xe để em đi rút tiền*" thì anh L2 đồng ý rồi đưa chìa khóa xe mô tô cho B. B để lại chiếc ví da (bên trong có 01 căn cước công dân của B) sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98C1 - 089.77 của anh L2 đi đến một cửa hàng điện thoại ở gần cây xăng Phương Đông, thị trấn BH để rút tiền nhưng do cửa hàng đóng cửa nên B đi xe về đỉnh dốc thị trấn BH. B vào cửa hàng bán chiếc điện thoại di động của B được 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). Lúc này, do không có xe ô tô khách về H nên B không quay lại nhà nghỉ Hà Anh 2 trả lại xe cho anh L2 mà đi về nhà. B đã tháo biển kiểm soát của xe mô tô ra và sử dụng xe khoảng 04 đến 05 ngày. Do không có tiền chi tiêu nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh L2. B đi xe mô tô đến nhà anh Phạm Văn Th, sinh năm 2001 ở thôn Đông Ninh 1, xã TM, huyện TL sau đó cùng Th đến nhà anh Đặng Quang Th1, sinh năm 1989 ở thôn Khôi Vĩ Hạ, xã Quang Phục, huyện TL, Th phố H. Khi đến nhà anh Th1, anh Th ngồi ngoài quán nước còn B vào gặp anh Th1. B bảo anh Th1 cầm xe cho B giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Anh Th1 kiểm tra xe và đồng ý cầm cố nhưng không viết giấy tờ gì. Anh Th1 trừ tiền lãi 300.000 đồng trong 03 ngày đầu nên chỉ đưa cho B 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). B cầm

tiền, giao lại xe cho Th1 rồi cùng anh Th về. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, B gặp và nói với anh Trần Văn V, sinh năm 1995 ở thôn TL, xã TM, huyện TL biết việc B cầm cố xe cho anh Th1 với số tiền 3.000.000 đồng, giấy tờ xe do bố mẹ B giữ, biển kiểm soát của xe đang ở nhà B và nhờ anh V đến chuộc lại xe về sử dụng, khi nào có tiền, B sẽ chuộc lại sau thì anh V đồng ý. Khoảng 01 đến 02 ngày sau đó, anh V cùng anh Th đến nhà anh Th1 để chuộc lại xe do B đã cầm cố. Khi gặp anh Th1 thì anh V nói là cho chuộc xe của B, anh Th1 đồng ý và bảo lấy 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Anh V đưa tiền cho anh Th1 rồi cùng Th điều khiển xe về, sau đó anh V đến nhà B lấy biển kiểm soát lắp vào xe và sử dụng. Khoảng 03 đến 04 ngày sau, do cần tiền nên anh V hỏi B có lấy lại xe không, nếu không thì anh V sẽ cầm cố để lấy tiền. Do B không có tiền chuộc lại nên B nói với anh V là mang cầm cố cho anh Th1 hoặc bán cho ai khác ở gần để khi có tiền thì B sẽ chuộc lại sau. Anh V đã mang xe ra cửa hàng xe máy của anh Trần Đức N, sinh năm 1986 ở thôn TL, xã TM, huyện TL để rửa xe. Tại đây, anh V hỏi anh N bán xe thì được bao nhiêu tiền, anh N hỏi xe có giấy tờ không thì anh V nói xe chuộc lại, có giấy tờ nhưng không mang theo và là xe của bạn. Ngày 30/8/2021, anh N gọi điện hỏi anh V có bán xe không thì mang ra có người muốn mua thì anh V điều khiển xe ra quán anh N. Tại đây, anh V gặp anh N và anh Vũ AnhĐ, sinh năm 1985, trú tại Khu thanh niên xung phong, huyện Bạch Long Vỹ, H. Anh V đồng ý bán xe cho anh N với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau đó anh N thay ô khóa, thay dầu, chỉnh phanh rồi bán lại choĐ với số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với anh L2, sau khi không thấy B trả xe mô tô, ngày 05/8/2021, anh L2 đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Tại Kết luận định giá tài sản số 108/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Trị giá xe mô tô biển kiểm soát 98C1-089.77 là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Đối với anhĐ, sau khi được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y thông báo về nguồn gốc chiếc xe là vật chứng của vụ án, anhĐ đã nhờ em trai là Vũ Xuân M, sinh năm 1987 ở thôn Xa Vỹ, xã TM, huyện TL giao nộp lại xe cho Cơ quan điều tra vào ngày 09/9/2021.

Ngày 25/10/2021, anh L2 giao nộp cho cơ quan điều tra 01 ví da và 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn B.

Quá trình điều tra B, anh Th và anh V đều xác định B cầm cố xe cho anh Th1. Tuy nhiên, anh Th1 khai B và anh Th đến gửi xe và vay tiền. Quá trình điều tra, anh Th1, anh Th và anh V đều từ chối đối chất, giữ nguyên lời khai. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định B đã cầm cố xe cho anh Th1.

Về vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 98C1-089.77 là tài sản của anh L2. Ngày 29/10/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh L2. Đối với 01 ví da, 01 căn cước công dân là của B không liên quan đến hành vi

phạm tội, B đề nghị trả lại.

Về trách nhiệm dân sự: Anh L2; anh Đ không yêu bồi thường gì.

Tại cơ quan điều tra bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số:10/CT-VKS-YT, ngày 28/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Vũ Văn B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 175; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38, điều 50, khoản 1, Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn B từ 12(mười hai) tháng đến 15 (Mười năm) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với 9 (chín) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” của bản án số 08/2022/HSST, ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án từ 21 tháng đến 24 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2021. Nhưng trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 30/8/2021 đến ngày 08/9/2021.(theo bản án số 08/HSST, ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H)

*** Về hình phạt bổ sung bằng tiền:** Bị cáo không có công ăn việc làm, tài sản riêng không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Anh L2, anh Đ không yêu cầu bồi thường gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đối với chiếc ví da màu ghi xám có in đầu hình con hổ, mặt trong ví màu nâu và in chữ “GUCCI” đã cũ; 01 căn cước công dân số 03120101242 mang tên Vũ Văn B là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 97C1-08977 là tài sản của anh L2, ngày 29/10/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho anh L2.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận bị cáo không có gì tranh luận. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại anh Phạm Đức L2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Th, anh Đặng Quang Th1, anh Trần Văn V, anh Trần Đức N, anh Vũ AnhĐ, anh Vũ Xuân M vắng mặt nhưng đã có ý kiến lưu trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Nên hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điều 292; Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Khoảng 07 giờ ngày 04/8/2021, tại phòng số 405 nhà nghỉ Hà Anh 2 ở tổ dân phố Gia Lâm, thị trấn BH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Vũ Văn B mượn xe mô tô biển kiểm soát 98C1-089.77 của anh Phạm Đức L2 để đi rút tiền nhưng không rút được tiền. B điều khiển xe mô tô về nhà ở H, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh L2 nên đã mang xe mô tô đi cầm cố cho anh Th1 lấy số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), chi tiêu cá nhân hết, khoảng 4 đến 5 ngày sau B nói với V về việc cầm cố xe cho anh Th1 và nhờ V đi chuộc về hộ khi nào có tiền thì chuộc lại sau, V đã đi chuộc xe về khoảng 3 đến 4 ngày sau do cần tiền V có hỏi B có chuộc lại xe không nếu không V sẽ bán, do B không có tiền chuộc xe trả cho anh L2 nên V đã bán xe cho anhĐ giá 3.500.000đ. Tại Kết luận định giá tài sản số:108/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Trị giá xe mô tô biển kiểm soát 98C1-089.77 là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu Th tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. được quy định tại điểm b, khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu lại được, phù hợp với biên bản định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định: Cáo trạng số 10/CT-VKS-YT ngày 28/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Vũ Văn B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo là liều lĩnh táo bạo, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bản thân bị cáo B có nhân thân xấu. Ngày 27/8/2021 có hành vi trộm cắp tài sản, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL, Th Phổ H khởi tố về tội: “Trộm cắp tài sản”; Đến ngày 22/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện TL Th phố H xử 09 (chín) tháng tù. Do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở Th công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Tại bản án số 08/HS-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H xử Vũ Văn B 09 (chín) tháng tù tội “Trộm cắp tài sản” bản án đến nay đã có hiệu lực pháp luật. Cần áp dụng khoản 1 điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, thu nhập không có, tài sản riêng không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh L2, anhĐ không yêu cầu bồi thường gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98C1-08977 đã được cơ quan điều tra trả lại cho anh B.

Chiếc ví da màu ghi xám có in đầu hình con hổ, mặt trong ví màu nâu và in chữ “GUCCI” đã cũ; 01 căn cước công dân số 03120101242 mang tên Vũ Văn B là tài sản riêng của bị cáo B, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Trong vụ án này anh Th, anh Th1, anh V, anh N, anhĐ đều không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát **98C1-08977** là tài sản do B phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý;

Đối với hành vi anh Th1 nhận cầm cố xe của B nhưng không có giấy phép hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Ngày 13/02/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tách tài liệu liên quan và có văn bản đề nghị đến Công an huyện TL, Th phố H để xử lý theo thẩm quyền.

Về tiền án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 175; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 50, Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt Vũ Văn B 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù tội “trộm cắp tài sản” của bản án số: 08/2022/HS-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 15/12/2021. Nhưng được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2021 đến ngày 08/9/2021 (theo bản án số 08/HSST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TL, Th phố H.)

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Anh Lam, anh Đ không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 3, điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo Vũ Văn B 01 ví da màu ghi xám có in đầu hình con hổ, mặt trong ví màu nâu và in chữ “GUCCI” đã cũ; 01 căn cước công dân số 03120101242 mang tên Vũ Văn B

4. Về tiền án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Văn B phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo đúng quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Y;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà

Đinh Thị Vân Anh